

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 93/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23-6-2021

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Nhật Trường, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Vào ngày 23 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 217/2021/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà N T N K, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh T.

- Bị đơn: Ông T V Kh, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh T.

Bà K, ông Kh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/5/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà K trình bày: Bà với ông Kh chung sống vợ chồng vào năm 1993, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Kh hay ghen nên thường kiểm chuyện, gây xung đột với bà, dẫn

đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông Kh đã ra ngoài thuê nhà trọ ở hơn một năm nay. Hiện tại cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Kh.

Về con chung: Có ba người con chung tên T V S H, sinh năm 1994, T T N A, sinh năm 1997 và T T N B, sinh ngày 09/11/2005. Ly hôn bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu B, không yêu cầu ông Kh cấp dưỡng. Riêng cháu H và cháu A đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại tờ tự khai ngày 04/6/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Kh trình bày: Ông với bà K chung sống vợ chồng vào năm 1993, không có đăng ký kết hôn. Nay ông cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà K.

Về con chung: Có ba người con chung tên T V S H, sinh năm 1994, T T N A, sinh năm 1997 và T T N B, sinh ngày 09/11/2005. Ly hôn ông đồng ý giao cháu B cho bà K tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng. Riêng cháu H và cháu A đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà K, ông Kh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà K, ông Kh theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà K, ông Kh chung sống vợ chồng vào năm 1993, nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 của Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp. Nên pháp luật không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà K với ông Kh.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, bà K, ông Kh có ba người con chung tên T V S H, sinh năm 1994, T T N A, sinh năm 1997 và T T N B, sinh ngày 09/11/2005.

Xét bà K yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu B, thấy rằng: Cháu B hiện do bà K nuôi dưỡng đã ổn định. Cháu B đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng sống với bà K nếu cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu B, Hội đồng xét xử

thấy cần phải giao cháu B cho bà K nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Riêng cháu Huy, cháu Huyền đã thành niên và bà K, ông Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Xét bà K không yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi cháu B nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này bà K có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà K và ông Kh xác định không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bà K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 9, 14, 15, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 của Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà N T N K với ông T V Kh.

2. Về con chung: Giao cháu T T N B, sinh ngày 09/11/2005 cho bà N T N K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Ông T V Kh có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4. Án phí: Bà N T N K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà K đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000235 ngày 19/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy bà K đã thi hành xong án phí.

5. Bà K, ông Kh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Công Vĩnh Đức